

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Writing 1 - MH1105032

Mã lớp học phần: 25111MH110503201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 29/09 Giờ thi: 9:40 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Phạm Linh Toàn Ký tên: MLT

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<u>Đạt</u>	8.5	Tám năm	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<u>Trần Trung</u>	8.3	Tám ba	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.5	Tám năm	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA				Nghỉ luận
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<u>Huy</u>	7.5	Bảy năm	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.5	Tám năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<u>Huỳnh</u>	7.8	Bảy tám	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<u>Hỷ</u>	7.5	Bảy năm	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<u>Mỹ</u>	7.8	Bảy tám	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<u>Ngọc</u>	8.0	Tám chẵn	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<u>Nhân</u>	8.0	Tám chẵn	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<u>Oanh</u>	8.0	Tám chẵn	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<u>Phú</u>			Nghỉ luận
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<u>Phúc</u>	8.0	Tám không	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<u>Phượng</u>	7.0	Bảy không	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<u>Quỳnh</u>	8.8	Tám tám	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<u>Thịnh</u>	8.5	Tám năm	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<u>Thông</u>	7.8	Bảy tám	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<u>Thu</u>	8.5	Tám năm	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<u>Thuận</u>	8.0	Tám chẵn	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<u>Thùy</u>	7.5	Bảy năm	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<u>Thư</u>	7.5	Bảy năm	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<u>Thương</u>	8.5	Tám năm	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<u>Tiên</u>	7.8	Bảy tám	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<u>Trang</u>	8.8	Tám tám	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<u>Trân</u>	7.8	Bảy tám	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA		8.5	Điểm chữ	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA		8.5	Điểm chữ	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA		8.0	Điểm chữ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 27 vắng thi: 02 . Số bài thi: 27 / 20 .

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Hải

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ninh Toàn



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Writing 1 - MH1105032

Mã lớp học phần: 25111MH110503201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn - (05041)

Ngày thi: 14/10 Giờ thi: 9:40 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Phạm Minh Toàn Ký tên: MT

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<u>Đạt</u>	8.8	Tám tám	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<u>Đạt</u>	8.8	Tám tám	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.5	Tám năm	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.8	Tám tám	Nghĩ luận
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<u>Huy</u>	8.8	Tám tám	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<u>Huy</u>	8.8	Tám tám	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<u>Huỳnh</u>	7.5	Bảy năm	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<u>Hỷ</u>	8.0	Tám chẵn	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<u>Mỹ</u>	8.3	Tám ba	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<u>Đặng</u>	8.8	Tám tám	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<u>Nhân</u>	8.0	Tám chẵn	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<u>Oanh</u>	8.3	Tám ba	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA	<u>Phú</u>	8.8	Tám tám	Nghĩ luận
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<u>Phúc</u>	8.8	Tám tám	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<u>Phượng</u>	7.3	Bảy ba	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<u>Quỳnh</u>	9.0	Chín chẵn	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<u>Thịnh</u>	8.7	Tám bảy	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<u>Thông</u>	8.5	Tám năm	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<u>Thu</u>	9.0	Chín chẵn	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<u>Thuận</u>	8.0	Tám chẵn	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<u>Thùy</u>	7.8	Bảy tám	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<u>Thư</u>	7.8	Bảy tám	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<u>Thương</u>	8.8	Tám tám	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<u>Tiên</u>	8.3	Tám ba	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<u>Trang</u>	9.0	Chín chẵn	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<u>Trân</u>	8.3	Tám ba	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA	Tú	9.0	Chín chẵn	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA	Việt	8.5	Tám năm	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA	như	7.5	Bảy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 02. Số bài thi: 27 / 29.

Ngày 7 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Khanh



Ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Ninh Tấn

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

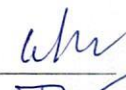
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Writing 1 - MH1105032

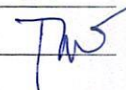
Giám thị 1: Lê Trung San

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110503201

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006		1	8.3	Tám ba	C26TA	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006		1	6.5	Sáu năm	C26TA	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006		1	5.9	Năm chín	C26TA	
4	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004		1	2.6	Hai sáu	C26TA	
5	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006		1	1.1	Một một	C26TA	
6	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006		1	5.3	Năm ba	C26TA	
7	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006		1	5.2	Năm hai	C26TA	
8	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006		1	8.0	Năm chẵn	C26TA	
9	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006		1	9.0	Chín chẵn	C26TA	
10	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002		1	5.5	Năm năm	C26TA	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004		1	6.1	Sáu một	C26TA	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006		1	1.5	Một năm	C26TA	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999		2	6.2	Sáu hai	C26TA	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006		2	7.8	Bảy tám	C26TA	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002		1	5.9	Năm chín	C26TA	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996		1	7.3	Bảy ba	C26TA	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003		1	6.0	Sáu không	C26TA	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006		1	7.2	Bảy hai	C26TA	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006		1	3.2	Ba hai	C26TA	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005		1	9.4	Chín tư	C26TA	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006		1	8.4	Tám tư	C26TA	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980		1	5.7	Năm bảy	C26TA	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006		1	7.6	Bảy sáu	C26TA	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006		1	8.9	Tám chín	C26TA	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006		1	7.6	Bảy sáu	C26TA	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006		1	5.0	Năm chẵn	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 282, 28

Số sinh viên đạt: 22 Tỷ lệ đạt: %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

84,62

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Dương San 1/1

Phạm Minh Toàn